

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 4 - 2024

V/v: Tranh chấp về thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu Hoài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 394/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4255/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Kim C, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

+ **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Luật sư Nguyễn Huy M - Công ty L Nguyễn Huy M thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn C1 (tên gọi khác Đỗ Minh C1), sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

+ **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Trần Trung Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Số F ngách D, ngõ F, đường K, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

3. Bà Đỗ Thị C3, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

4. Bà Đào Thị P, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

5. Anh Đỗ Văn M1, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

6. Anh Đỗ Minh G, sinh năm 1966; địa chỉ: B, Cộng hòa SLOVAKIA. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của anh G: Anh Đỗ Văn M1, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

7. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1961. Vắng mặt.

8. Anh Đỗ Đức H, sinh năm 1983. Có mặt.

9. Anh Đỗ Đức H1, sinh năm 1985. Có mặt.

10. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983. Vắng mặt.

11. Chị Vũ Thị T3, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1, chị T2, chị T3: Ông Đỗ Văn C1, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, bà Đào Thị P và anh Đỗ Văn M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim C trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Đỗ Văn B, chết ngày 12/10/2001 và cụ Chu Thị C4 (là mẹ Việt Nam anh hùng), chết ngày 15/01/2015 đều không có di chúc. Hai cụ không có con nuôi, con riêng và có 07 con chung gồm: Liệt sỹ Đỗ Minh X1 hy sinh năm 1968, có vợ là bà Đào Thị P1 và hai con là anh Đỗ Văn M1, anh Đỗ Minh G; bà Đỗ Thị X; liệt sỹ Đỗ Mạnh K hy sinh năm 1971, chưa có vợ con; bà Đỗ Thị Kim C; bà Đỗ Thị T; ông Đỗ Minh C2 và bà Đỗ Thị C3.

Cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 có tài sản chung gồm nhà 05 gian mái lợp ngói, sân lát gạch, 01 ngôi nhà 03 gian mái bằng trong đó có 01 gian mái bằng là nhà tình nghĩa do Ủy ban nhân dân xã V hỗ trợ theo tiêu chuẩn bà mẹ Việt Nam anh hùng, 02 cây thị cổ thụ và diện tích đất ở theo bản đồ 2016 -2019 gồm 3 thửa: Thửa số 453, tờ bản đồ số 22 diện tích 290,6m²; thửa số 469, tờ bản đồ 22 diện tích 429,3m² và thửa số 471, tờ bản đồ số 22 diện tích 180 m² đều ghi trong sổ mục kê mang tên ông Đỗ Văn C1 (con trai út). Hai cụ được chia 02 tiêu chuẩn đất nông nghiệp diện tích 960m² và 120m² đất nông nghiệp tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 và liệt sỹ Đỗ Mạnh K địa phương trừ vào đất ở của gia đình.

Năm 2000 cụ C4 được địa phương xây nhà tình nghĩa trên thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22 nhưng sau khi cụ C4 chết mặc dù các chị em và Ủy ban nhân dân xã V yêu cầu không được tháo dỡ nhưng ông C1 đã cố ý phá dỡ để xây nhà cho con trai là anh H1 ở. Bà C khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của bố mẹ, gồm: 849m² đất ở, nhà 05 gian lợp ngói, sân

gạch, nhà 03 gian mái bằng trong đó có 01 gian hai tầng là nhà tình nghĩa trị giá 100.000.000 đồng, 02 cây thị cổ thụ, 960m² đất nông nghiệp và yêu cầu được nhận quyền sử dụng diện tích đất đã được địa phương xây nhà tình nghĩa để làm nơi thờ cúng.

Bị đơn ông Đỗ Minh C2 (Đỗ Văn C1) trình bày: Công nhận lời khai của bà C về thời gian chết, con chung, diện tích đất ở và tài sản trên đất cùng tiêu chuẩn đất nông nghiệp, đất thờ cúng liệt sĩ của bố mẹ. Theo ông C1 bố mẹ ông còn có một người con nuôi là ông Nguyễn Xuân T4 (vợ là Nguyễn Thị T5) địa chỉ gần Trường C8, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Ông C1 xác định nguồn gốc đất của các cụ một phần của tổ tiên để lại và một phần do các cụ nhận chuyển nhượng. Khi cụ B, cụ C4 còn sống đã cho vợ chồng ông C1 nhà và đất để quản lý sử dụng riêng từ năm 1982, được xác định theo hiện trạng là phía sau nhà ông đã xây hết đất và chỉ để một lối đi vào phần nhà đất mà bố mẹ ông quản lý sử dụng. Ông chỉ biết bố mẹ cho đất ở và có khuôn viên để vợ chồng ông sử dụng còn bố mẹ ông có làm thủ tục chia tách bằng văn bản không thì ông không biết nhưng vợ chồng ông đã kê khai đăng ký bản đồ địa chính là 290m² thửa số 453, tờ bản đồ số 22. Ông là người quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại gồm đất của tổ tiên và đất bố mẹ mua từ khi cụ B và cụ C4 còn sống. Ngoài đất ở thì Cụ B1 và cụ C4 được địa phương chia cho 02 tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp là 960m² và 120m² tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 và liệt sỹ Đỗ Mạnh K. Do đất ở vượt hạn mức nên địa phương đã trừ đất ngoài đồng của hai cụ. Hiện đất nông nghiệp của hai cụ theo bản đồ năm 2016 ở xứ đồng Dộc đám mạ thửa số 371, tờ bản đồ số 11 diện tích 258,1m² sổ mục kê mang tên Đỗ Văn C1, Đặng Thị T1 trong đó tiêu chuẩn của hai cụ là 88m² và 872m² xứ đồng Nền Tua thửa số 770, tờ bản đồ số 07 diện tích trên bản đồ 934,9m² (đo thực tế 919,6 m²) sổ mục kê mang tên Đỗ Thị K1 là do ghi nhầm lẫn. Thời kỳ giao tiêu chuẩn đất thờ cúng của liệt sỹ Xương thì vợ con liệt sỹ Xương đã về quê sinh sống tại xã N nên địa phương giao tiêu chuẩn thờ cúng cho hai cụ nên xác định là tài sản của hai cụ. Hàng năm vợ chồng ông là người nộp thuế đất ở toàn bộ diện tích đất của hai cụ. Vợ chồng ông đã xây dựng nhà 03 tầng, làm sân đối với toàn bộ diện tích đất được giao, ngoài ra vợ chồng ông còn tôn tạo tu bổ thêm đối với diện tích đất của bố mẹ cao khoảng 50cm. Năm 2000, địa phương đã hỗ trợ cụ C4 15.000.000 đồng để xây nhà tình nghĩa nên gia đình ông đã cùng gia đình xây dựng nhà cho cụ C4.

Khi còn sống cụ B1 và cụ C4 đã thống nhất chia đất cho ba anh em trai gồm vợ chồng ông diện tích đang quản lý sử dụng, phần còn lại cho liệt sỹ Đỗ Mạnh K được giao cho ông để thờ cúng còn phần đất liệt sỹ Đỗ Minh X1 do vợ con không quan tâm đến hai cụ nên cũng giao cho ông. Ngày 12 tháng 5 năm 1998 cụ B1 và cụ C4 đã lập “Giấy chuyển quyền sử dụng gia sản nhà và đất”, có chữ ký của cụ B1, nội dung như sau: “....*Tôi muốn UBND xã xác nhận thực hiện cho tôi về việc chuyển quyền sử dụng nhà và đất cho các con của tôi, tôi sinh được ba người con trai: (1) Đỗ Minh X1, (2) Đỗ Mạnh K, (3) Đỗ Duy C5. Tổng số đất ở của tôi là 2 sào 6 thước, trừ 3 thước làm cổng đi, còn lại 2 sào 3 thước. Hiện nay nhà vợ chồng tôi đang ở, theo đường lối tôi cho con trưởng, nhưng vì*

điều kiện chiến tranh nên con trưởng của tôi đã hy sinh. Cháu trưởng thừa kế nhưng vì lý do là con dâu tôi và cháu của tôi đã bỏ nhà không ở và đi tới 10 năm nay không về, không trông nom, chơi bời, thậm chí tới vợ chồng tôi, nên tôi không trông chờ gì được tới con dâu trưởng, cháu trưởng của tôi, nên số đất này tôi giao cho con thứ 3 của tôi là Đỗ Duy C5 được thừa kế toàn bộ nội gia ngoại viên, phải trông nom vợ chồng tôi, thờ cúng tiên tổ và giỗ tết anh nó là Đỗ Minh X1.

Nếu trường hợp con dâu trưởng, cháu trưởng của tôi biết ăn năn hối lỗi về xin lỗi vợ chồng tôi, và ý kiến với chủ thẩm, tùy theo mức độ thành khẩn thì chủ thẩm xem xét giao lại số đất trên phần của bố cháu, con trưởng của tôi là Đỗ Minh X1, với điều kiện là chỉ được ở để thờ cúng tổ tiên, tuyệt đối không được phép bán.

2) Còn lại số đất sau vườn khoảng 10 thước, tôi giao cho con thứ hai của tôi là Đỗ Mạnh K, nhưng vì chiến tranh nên con trai tôi đã hy sinh trong thời gian chống Mỹ cứu nước không có vợ con thừa kế. Nên tôi giao số đất này cho con thứ ba của tôi là Đỗ Duy C5 được quyền sử dụng, trông nom số đất này, và thờ cúng anh nó là Đỗ Mạnh K.

3) Số đất phía Đông giáp mặt đường tôi đã giao cho con thứ ba của tôi là Đỗ Minh C2.

Tóm lại toàn bộ số đất của tôi, tôi giao toàn bộ nhà và đất cho con thứ ba của tôi là Đỗ Minh C2.

Trên đây là toàn bộ sự việc của gia đình tôi. Tôi đề nghị với UBND xã xem xét xác minh và nhận thực cho gia đình tôi, để tôi được toại nguyện lúc tuổi già và khi về với tiên tổ". Văn bản này được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận chữ ký vào ngày 15/5/1998.

Ông C2 xác định thời gian còn sống hai cụ trông nom, sử dụng diện tích đất của gia đình nhưng vợ chồng ông là người có trách nhiệm tôn tạo, tu bổ sửa chữa nhà và đất. Vì vậy ông đề nghị Tòa án trong trường hợp chia thừa kế di sản của bố mẹ thì ông và gia đình đề nghị xác định công sức của gia đình. Ông công nhận hiện trạng đất của gia đình ông đang quản lý, sử dụng vẫn giữ nguyên diện tích, kích thước và ranh giới đất như khi bố mẹ còn sống. Năm 2019 gia đình ông đã tháo dỡ ngôi nhà tình nghĩa để xây nhà cho vợ chồng anh Đỗ Đức H1, chị Vũ Thị T3 quản lý sử dụng. Khi tháo dỡ nhà tình nghĩa, Ủy ban nhân dân xã V cũng yêu cầu gia đình tạm dừng việc xây dựng nhưng do nhà đã dột nát và gia đình cũng chỉ xây để sử dụng không mua bán, chuyển nhượng nên gia đình tiếp tục hoàn thiện nhà như hiện nay. Ông C2 xác định cụ B1 đã di chúc cho ông toàn bộ nhà đất của bố mẹ nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Đỗ Thị Kim C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai:

Bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Minh G, anh Đỗ Văn M1 đứng về phía nguyên đơn trình bày: Công nhận lời khai của bà C, ông C2 về quan hệ gia đình và tài sản chung của cụ B1 và cụ C4. Cụ B1 và cụ C4 chết không để lại di chúc,

ông C2 đang quản lý, sử dụng tài sản của hai cụ nên bà X, bà T, bà P, anh M1 cùng đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Bà Đào Thị P trình bày tại đơn đề nghị ngày 25/4/2019 và biên bản hòa giải ngày 26/4/2019: Bà là vợ của liệt sỹ Đỗ Minh X1. Năm 1968 bà được Hợp tác xã chia cho miếng đất gần nhà cụ B1 diện tích khoảng 114m² (giao miếng, không có văn bản), bà đã dựng 03 gian nhà tranh, năm 1989 bà và các con đã chuyển đi nơi khác ở. Năm 2000 Nhà nước có xây nhà cho cụ C4 và vợ liệt sỹ ngôi nhà tình nghĩa ở tại miếng đất của bà, bà không ý kiến gì, nay ông C2 phá nhà tình nghĩa và xây dựng nhà cho cháu H1, bà không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét.

Bà Đỗ Thị C3 trình bày: Khi bố mẹ bà còn sống đã ở trên đất tổ tiên để lại, bố mẹ bà có xây dựng 03 gian nhà cấp 4 là nhà 03 gian, hiện đã dỡ bỏ, ngôi nhà 4 gian cũng đã dỡ bỏ, chỉ còn ngôi nhà 05 gian cổ đã mục nát hiện ông C2 đang quản lý. Bố mẹ bà sống với vợ chồng ông C2 nên ông C2 đã kê khai đăng ký đất ở vào bản đồ địa chính qua các thời kỳ và quản lý toàn bộ đất ruộng của các cụ. Năm 1988 bà P và các con đã về nhà bố mẹ để sống. Ngày 12/5/1998 cụ B1 và cụ C4 lập “Giấy chuyển quyền sử dụng gia sản nhà và đất”. Văn bản này có chữ ký của cụ B1, không có chữ ký và điểm chỉ của cụ C4. Sau khi lập xong văn bản được 03 ngày thì cụ B1 đã mang đến Ủy ban nhân dân xã V đề nghị xác nhận; khi cụ B1 ốm yếu, chuẩn bị qua đời thì cụ đã giao cho ông C2 giữ giấy này. Bà không biết ông C2 đã đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục sang tên theo văn bản cụ B1 lập hay chưa. Sau khi cụ B1 mất thì cụ C4 vẫn sống cùng vợ chồng ông C2. Năm 2000, thực hiện chủ trương hỗ trợ gia đình chính sách, do cụ C4 được địa phương hỗ trợ 15.000.000 đồng để xây nhà tình nghĩa, còn lại vợ chồng ông C2 bỏ ra xây dựng nhà. Sau khi xây dựng nhà xong thì chỉ có cụ C4 ra sống còn cụ B1 vẫn ở với vợ chồng ông C2, hiện nay ngôi nhà đó ông C2 đã dỡ bỏ. Diện tích đất của bố mẹ bà để lại vẫn giữ nguyên như hiện nay, không có tranh chấp về ranh giới, mốc giới với các hộ liên kề. Do bố mẹ bà già yếu, lại sống cùng vợ chồng ông C2 nên khi đo đạc các bản đồ thì ông C2 kê khai đăng ký. Tại các thửa đất trên hiện có các công trình xây dựng là của vợ chồng ông C2. Cụ B1 và cụ C4 được địa phương chia cho 02 tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp là diện tích 960m² và 120m² tiêu chuẩn giao thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 và liệt sỹ Đỗ Mạnh K nhưng bị trừ 120m² đất nông nghiệp vào đất ở nên hai cụ được giao 872m² ở xứ đồng Nền Tua, thửa số 770 tờ bản đồ số 07 và 88m² ở xứ đồng Độc đám mạ thửa số 371 tờ bản đồ số 11. Bà C3 xác định toàn bộ đất ở ông C2 đang quản lý sử dụng và tiêu chuẩn ruộng của các cụ đều là của cụ B1 và cụ C4. Bà xác định không có công sức đóng góp gì, không nhất trí yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà C và đề nghị Tòa án giải quyết theo Giấy chuyển quyền sử dụng gia sản nhà và đất lập ngày 12/5/1998 theo đúng di nguyện của cụ B1 và cụ C4. Trường hợp phải phân chia thừa kế thì bà nhường phần của mình cho ông C2.

Bà Đặng Thị T1 trình bày: Bà kết hôn với ông C2 năm 1982 và về sống với ông C2 tại diện tích đất của bố mẹ chồng, năm 1985 vợ chồng bà đã được bố mẹ chồng cho nhà đất để ra ở riêng. Từ đó đến nay diện tích đất vẫn giữ nguyên như hiện nay đã bao gồm nhà, đất vợ chồng con trai thứ hai Đỗ Đức H1 quản lý

sử dụng và diện tích đất phía sau có ngôi nhà bố mẹ chồng sử dụng khi còn sống. Thời gian chung sống vợ chồng bà có tôn tạo tu bổ đất nâng cao lên khoảng 50cm. Bà xác định toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng bà xây dựng, tài sản của bố mẹ chồng hiện nay chỉ còn ngôi nhà, sân giáp đất nhà anh H2 ở phía Tây thửa đất và hai cây thị cổ. Diện tích đất bố mẹ chồng đã được bố chồng bà di chúc cho ông C2 nên các con phải có trách nhiệm thực hiện, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Anh Đỗ Đức H1 trình bày: Anh công nhận các tài sản trên có nguồn gốc của vợ chồng cụ B1 và cụ C4. Khi các cụ còn sống đã có việc sắp xếp cho các con chỗ ở. Tuy nhiên các thửa đất trên cụ B1 đã di chúc cho bố anh theo Giấy chuyển quyền gia sản nhà và đất cụ B1 lập năm 1998. Năm 2011 vợ chồng anh đã chuyển đến sống với cụ C4 tại nhà bố mẹ xây, năm 2019 bố mẹ anh đã phá nhà tình nghĩa đi xây dựng nhà mới cho vợ chồng anh, vợ chồng anh không có công sức tôn tạo sửa chữa gì. Anh H1 không đồng ý chia di sản thừa kế của cụ B1 và cụ C4.

Chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Chị là vợ anh Đỗ Đức H1, vợ chồng chị sống tại nhà đất của bố mẹ chồng từ năm 2006 cho đến nay, vợ chồng chị không có công sức đóng góp gì về việc trông nom, tôn tạo đất của các cụ để lại, chị T2 đề nghị Tòa án giải quyết theo luật.

Ủy ban nhân dân xã V cung cấp: Cụ Đỗ Văn B, chết năm 2001 và cụ Chu Thị C4, chết năm 2015 có 07 con chung gồm: Liệt sỹ Đỗ Minh X1 hy sinh năm 1968, có vợ là bà Đào Thị P và con là anh Đỗ Văn M1, anh Đỗ Minh G; bà Đỗ Thị X; liệt sỹ Đỗ Mạnh K hy sinh năm 1971, chưa có vợ con; bà Đỗ Thị Kim C; bà Đỗ Thị T; ông Đỗ Minh C2 và bà Đỗ Thị C3. Ngoài các con chung thì cụ B và cụ C4 không có con riêng, con nuôi.

Về nguồn gốc đất, quá trình đăng ký kê khai, biến động: Khi cụ B, cụ C4 còn sống có để lại tài sản gồm: Đất ở theo bản đồ 299, lập năm 1980 là thửa đất số 501 tờ bản đồ số 05 diện tích 722m² và thửa đất số 504 tờ bản đồ số 05 diện tích 144m² đều ghi tên trong sổ mục kê: Đỗ Văn C1 + Mão.

Đến bản đồ năm 1990 được chia thành 03 thửa: Thửa số 118 tờ bản đồ số 04 diện tích 210m² ghi tên trong sổ mục kê Đỗ Văn C1; thửa số 252 tờ bản đồ số 04 diện tích 495m² ghi tên trong sổ mục kê Đỗ Văn B (cả hai thửa đất được tách từ thửa số 501 - Bản đồ 299) và thửa đất số 116 tờ bản đồ số 04 diện tích 144m² ghi tên trong sổ mục kê Đỗ Văn B (trước là thửa 504 - Bản đồ 299).

Năm 1998, cụ B có đến Ủy ban nhân dân xã V đề nghị xác nhận vào “Giấy chuyển quyền sử dụng gia sản nhà và đất”, văn bản này không có chữ ký hoặc điểm chỉ của cụ C4. Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận chữ ký của cụ Đỗ Văn B. Năm 2000, gia đình đã xây dựng nhà cho cụ C4 địa phương đã hỗ trợ 15.000.000 đồng.

Theo bản đồ lập trong thời gian 2016 - 2019 gồm 03 thửa: Thửa số 453 tờ bản đồ số 22 diện tích 290,6m²; thửa số 469 tờ bản đồ 22 diện tích 429,3m² (là thửa 501 - Bản đồ 299) và thửa số 471 tờ bản đồ số 22 diện tích 180m² (là thửa 501 - Bản đồ 299). Cả 03 thửa này ghi trong sổ mục kê tên ông Đỗ Văn C1.

Theo bản đồ 1989 - 1990 lối đi vào diện tích đất và nhà cụ B sinh sống có nguồn gốc từ thửa 501 không được kê khai đăng ký vào thửa đất nào, đến bản đồ 2016 - 2019 lối đi vào phía trong cũng không được kê khai đăng ký vào thửa đất của gia đình, ngõ đi diện tích 66 m² do gia đình tự tách ra không kê khai đăng ký. Các thửa đất đều không có tranh chấp về ranh giới, mốc giới với các hộ liền kề. Diện tích các thửa đất đều tăng lên là do sai số đo đạc.

Diện tích đất đều có nguồn gốc của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4. Việc kê khai đăng ký tên khác nhau trong sổ mục kê là do khi kê khai đo đạc gia đình tự chỉ mốc giới và tự kê khai đăng ký tên người sử dụng, gia đình không làm thủ tục chia tách và kê khai theo quy định nên diện tích đất các thửa trên vẫn là của vợ chồng cụ B và cụ C4.

Đất nông nghiệp: Cụ B và cụ C4 được địa phương chia cho 02 tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp là 960m² và 120m² tiêu chuẩn liệt sỹ, vợ chồng cụ B, cụ C4 bị trừ 120m² đất nông nghiệp vào đất ở nên vợ chồng hai cụ được giao 872m² ở xứ đồng Nền Tủa thửa số 770 tờ bản đồ số 07 và 88m² ở xứ đồng Độc đám mạ thửa số 371 tờ bản đồ số 11.

Bà Nguyễn Thị T5 và anh Nguyễn Quang T6 trình bày: Ông Nguyễn Văn C6 (Nguyễn Xuân T4) đã chết có nhận cụ B, cụ C4 là bố mẹ nuôi, việc nhận con nuôi chỉ là mang tính tình cảm, quý mến nhau, khi đó ông T4 đã trên 20 tuổi, ông T4 không liên quan gì về tài sản của các cụ.

Cụ Nguyễn Văn V, nguyên chủ nhiệm hợp tác xã T12 trình bày: Năm 1967 gia đình bà P đang sống cùng cụ B, cụ C4 đã làm đơn xin Hợp tác xã Thịnh Cầu đất ở. Hợp tác xã đã thống nhất cấp cho bà P chỗ đất ở của cụ Nguyễn Văn N đã chuyển đi nơi khác (cụ N hiện đã chết). Hợp tác xã đã báo cáo Ủy ban hành chính xã V và Ủy ban đã giao địa chính xã xuống đo đất giao bà P mảnh đất đã có nhà ba gian của cụ N trên diện tích 07 thước đất ở bên cạnh có một cái giếng khơi được sử dụng làm nhà ở. Việc giao đất của của Hợp tác xã và Ủy ban hành chính lúc đó không lập văn bản.

Cụ Nguyễn Tấn Á, nguyên là trưởng ban địa chính xã V từ năm 1958 - 1987 trình bày: Cụ không biết bà P có được Ủy ban hành chính xã cấp đất và khi đo đạc bản đồ 299 bà P có kê khai đăng ký trên bản đồ không.

Cụ Trần Xuân C7, nguyên cán bộ địa chính từ năm 1989 đến năm 1997 trình bày: Năm 1989 UBND xã tiến hành đo đạc bản đồ địa chính, khi đó có 02 tờ khai của chủ sử dụng là đơn xin cấp giấy chứng nhận trường thôn đưa cho chủ sử dụng và sau khi có kết quả đo đạc chủ sử dụng ký vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm đó bà P cùng các con về Nghĩa Trụ sinh sống, sổ mục kê thửa đất do cụ Đỗ Văn B kê khai, đăng ký thửa số 116, tờ bản đồ 4B diện tích 144m².

Cụ Nguyễn Văn T7 trình bày: Ngày 15/5/1998 cụ B trực tiếp đến UBND xã V đề nghị xác nhận chữ ký của cụ B tại “Giấy chuyển quyền sử dụng gia sản nhà và đất” lập ngày 12/5/1998 là văn bản đánh máy. Sau khi kiểm tra nội dung văn bản thấy không trái luật, đúng với ý chí của cụ B và trực tiếp thấy cụ B ký

bằng chữ V1 và chữ Hán nên ông đã ký xác nhận chữ ký của cụ Đỗ Văn B là đúng.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và kết quả định giá tài sản ngày 11 tháng 11 năm 2021 xác định:

Đất ở: Thửa đất số 453, tờ bản đồ số 22, diện tích đo thực tế 280,2m² trị giá 3.642.600.000 đồng (13.000.000 đồng/m² x 280,2m²) hiện do vợ chồng ông C1 đang quản lý; tài sản trên đất: Nhà 02 tầng 01 tum mái lợp ngói xây năm 2011, chiều cao trần 3,79m diện tích 80,4m² giá trị 459.000.000 đồng; lán lợp mái tôn diện tích 32,2m², cao 3,2m giá trị là 12.432.000 đồng; lán lợp Proximang diện tích 33,8m² giá trị là 7.135.000 đồng; sân gạch đất nung diện tích 114,9m² giá trị là 5.267.000 đồng; cổng, trụ cổng kích thước (2,6 x 0,45 x 0,45)m giá trị là 1.272.000 đồng; cánh cổng INox kích thước (2,6 x 2,4)m không tính giá trị; tường bao quanh nhà cao 1,2m giá trị là 3.705.000 đồng; cây thị khoảng 50 năm giá trị là 240.000 đồng.

Thửa đất số 471 tờ bản đồ số 22 diện tích đo thực tế là 177,6m² giá trị 2.664.000.000 đồng (15.000.000 đồng/m² x 177,6m²) hiện do vợ chồng anh H1 đang quản lý, tài sản trên đất: Nhà 02 tầng 01 tum mái lợp ngói xây năm 2019, bê tông cốt thép khung chịu lực giá trị 812.025.000 đồng; 01 lán lợp tôn diện tích 65,3m² cao 3,7m xây dựng năm 2019 giá trị 73.600.000 đồng; tường bao phía trước nhà cao 2,6m xây năm 2019 giá trị 5.150.000 đồng; 01 cửa cuốn đi vào lán rộng 2,75m, cao 2,8m lắp đặt năm 2019 giá trị 6.936.000 đồng; 01 cổng Inox kích thước (2 x 2,6)m, không định giá; sân lát gạch đất nung kích thước (50 x 50)cm làm năm 2019 giá trị 9.228.000 đồng; 01 cây thị khoảng 50 năm có giá trị là 240.000 đồng.

Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 22, diện tích đo thực tế 438,9m² giá trị 3.511.200.000 đồng (8.000.000 đồng/m² x 438,9m²) hiện do vợ chồng ông C1 đang quản lý sử dụng. Tài sản trên đất: 01 nhà cấp 4 lợp ngói đã đổ nát diện tích 47,2m² giá trị còn lại là 15.480.000 đồng; 01 sân gạch diện tích 72,8m² giá trị còn lại là 1.440.000 đồng; ngõ đi lát gạch chỉ diện tích 66m² giá trị còn lại là 1.308.000 đồng; 30 cây cau có giá trị là 5.600.000 đồng; 01 cây mít đường kính gốc 40cm giá trị là 750.000 đồng; 05 cây bưởi đường kính gốc 10cm giá trị là 6.900.000 đồng; 01 cây nhãn đường kính gốc là 25cm giá trị là 3.750.000 đồng.

Đất nông nghiệp: Theo hồ sơ theo dõi là 872m² ở xứ đồng Nền Tua và 88m² ở xứ đồng Độc đám mạ, hiện trạng đo đạc tổng diện tích đất nông nghiệp là 919,6m² có giá trị là 105.754.000 đồng (115.000 đồng/m² x 919,6m²)

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 21/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định: Căn cứ Điều 630, Điều 635, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652; Điều 659, khoản 2 Điều 660, và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 29, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 92, khoản 1 và 5 Điều 147, Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim C về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 là đất ở kê khai đăng ký thửa đất số 453, 469 và 471 đều thuộc tờ bản đồ số 22 có địa chỉ tại thôn C (thôn K trước đây), xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên, 960m² đất nông nghiệp và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà, sân gạch, 02 cây thị

1. Xác nhận cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 có 07 con chung gồm: Liệt sỹ Đỗ Minh X1 hy sinh năm 1968, có vợ là bà Đào Thị P, và hai con là Đỗ Văn M1 và Đỗ Minh G; bà Đỗ Thị X; liệt sỹ Đỗ Mạnh K hy sinh năm 1971, chưa có vợ con; bà Đỗ Thị Kim C; bà Đỗ Thị T; ông Đỗ Văn C1 (còn có tên gọi khác là Đỗ Minh C2) và bà Đỗ Thị C3.

2. Xác định văn bản ghi ngày 12 tháng 5 năm 1998 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V ngày 15 tháng 5 năm 1998 là di chúc của cụ Đỗ Văn B.

3. Xác định cụ Đỗ Văn B chết ngày 12 tháng 10 năm 2001, có di chúc; cụ Chu Thị C4 chết ngày 15 tháng 01 năm 2015 không có di chúc.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn C1 xác định cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 có con nuôi là ông Nguyễn Văn C6 (Nguyễn Xuân T4).

5. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 là liệt sỹ Đỗ Minh X1, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2, và bà Đỗ Thị C3.

6. Xác nhận liệt sỹ Đỗ Minh X1 hy sinh năm 1968, người thừa kế thế vị của liệt sỹ là anh Đỗ Văn M1, và anh Đỗ Minh G được hưởng kỷ phần thừa kế của liệt sỹ Đỗ Minh X1.

7. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim C xác định di sản của cụ Chu Thị C4 là phần tài sản trong ngôi nhà ông Đỗ Văn C1 xây năm 2000 giá trị 100.000.000 đồng.

8. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim C xác định thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22; địa chỉ thửa đất: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên đo thực tế diện tích 177,6m² có nguồn gốc là thửa số 116, tờ bản đồ số 14, diện tích 144m² là đất cấp cho bà Đào Thị P.

9. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn C1 được quyền sử dụng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 22; địa chỉ thửa đất: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên và tài sản trên đất là 01 cây thị.

10. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 diện tích 60m² đất kê khai đăng ký thửa số 469, tờ bản đồ số 22 cho anh Đỗ Văn M1 và tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K diện tích 60m² đất kê khai đăng ký thửa số 469, tờ bản đồ số 22 cho ông Đỗ Văn C1.

11. Xác định di sản của cụ B và cụ C4 là quyền sử dụng đất thửa số 471, tờ bản đồ số 22 diện tích 177.6m² giá trị 2.664.000.000 đồng, 01 cây thị giá trị 240.000 đồng; quyền sử dụng đất thửa số 453, diện tích 280,2m² giá trị 3.642.600.000 đồng, 01 cây thị giá trị 240.000 đồng; quyền sử dụng đất diện tích 316,5m² thửa số 469, tờ bản đồ số 22 giá trị 3.511.200.000 đồng; nhà cấp 4 lợp ngói, sân gạch diện tích 76,8m² và 960m² đất nông nghiệp trị giá 105.754.000 đồng; Tổng cộng giá trị 8.997.600.000 đồng.

10. Xác định di chúc ghi ngày 12 tháng 5 năm 1998 của cụ Đỗ Văn B có hiệu lực pháp luật.

11. Ông Đỗ Văn C1 được hưởng thừa kế di sản của cụ Đỗ Văn B theo di chúc là một phần hai giá trị các tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 471, tờ bản đồ số 22 diện tích 177,6m², quyền sử dụng đất thửa số 453 diện tích 282,6m², quyền sử dụng đất diện tích 316,5m² thửa số 469 tờ bản đồ số 22, nhà cấp 4 lợp ngói, 72,8m² sân gạch, 02 cây thị được tổng trị giá 4.443.600.000 đồng.

12. Xác định di sản của cụ Đỗ Văn B là 960m² đất nông nghiệp chia chung với cụ Chu Thị C4 giá trị 105.754.000 đồng không được định đoạt trong di chúc.

13. Không chấp nhận yêu cầu đòi công sức trông nom, quản lý di sản của ông Đỗ Văn C1 và bà Đặng Thị T1.

14. Di sản của cụ Đỗ Văn B và di sản của cụ Chu Thị C4 chia thừa kế theo pháp luật giá trị 4.554.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm năm mươi tư triệu đồng).

15. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chu Thị C4 là liệt sỹ Đỗ Minh X1, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2, và bà Đỗ Thị C3 mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau giá trị 759.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi chín triệu đồng).

16. Công nhận sự tự nguyện của các bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T và anh Đỗ Minh G cho anh Đỗ Văn M1 phần di sản được hưởng; Di sản anh Đỗ Văn M1 được hưởng giá trị 3.036.000.000 đồng và quyền sử dụng 60m² đất kê khai đăng ký thửa số 469, tờ bản đồ số 22; tài sản chia cho anh Đỗ Văn M1 giá trị 3.516.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm mười sáu triệu đồng).

17. Công nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị C3 cho ông Đỗ Văn C1 phần di sản được hưởng; Di sản ông Đỗ Văn C1 được hưởng giá trị 1.518.000.000 đồng.

18. Ông Đỗ Văn C1 được hưởng thừa kế di sản của cụ Đỗ Văn B theo di chúc giá trị 4.443.600.000 đồng và được quyền sử dụng 60m² đất kê khai đăng ký thửa số 469, tờ bản đồ số 22; tài sản chia cho ông Đỗ Văn C1 giá trị 6.441.600.000 đồng (sáu tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng)

19. Chia hiện vật:

- Chia cho anh Đỗ Văn M1 quyền sử dụng đất thửa số 469, tờ bản đồ số 22, diện tích 438,9m², địa chỉ thửa đất: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên vị trí giáp đất ông Q1 và ông T8 kích thước (13,78+11,98)m, giáp đất ông C1 kích thước (7,31+2,21+6,15+0,14)m, giáp ngõ đi và đất ông H3 kích thước (12,68+2,00+10,49)m, giáp đất ông T9 kích thước 19,34m cùng tài sản trên đất: 01 nhà cấp 4 lợp ngói, 72,8m² sân gạch, 30 cây cau, 01 cây mít, 05 cây bưởi, 01 cây nhãn, được tổng giá trị 3.527.080.000 đồng.

- Chia cho ông Đỗ Văn C1 quyền sử dụng đất thửa số 471, tờ bản đồ số 22, diện tích 177,6m² vị trí phía Đông giáp đường đi kích thước (8,33+2,60+0,39+2,57+2,75)m, phía Nam giáp đường đi kích thước (0,52+9,73)m, phía Tây giáp đất ông H4 kích thước 16,40m, phía Bắc giáp ngõ

kích thước 11.57m và quyền sử dụng đất thửa số 453, tờ bản đồ số 22, diện tích 282,6m² vị trí giáp ông T10 kích thước 17,55m, giáp đường đi kích thước (5,96+1,87+3,74+3,33+0,87)m, giáp ngõ đi kích thước 18,27m, giáp đất anh M1 kích thước (0,14+6,15+2,21+7,31)m; đều địa chỉ thửa đất: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; 02 cây thị và 960m² đất nông nghiệp gồm 872m² ở xứ đồng Nền Tua và 88m² ở xứ đồng Độc đám mạ đều được chia chung đất nông nghiệp với gia đình ông C1, được tổng giá trị 6.448.280.000 đồng.

(Vị trí, kích thước và ranh giới đất giao cho anh Đỗ Văn M1 và ông Đỗ Văn C1 xác định theo sơ đồ kèm theo Bản án và là phần không tách rời của Bản án)

Ông Đỗ Văn C1 và anh Đỗ Văn M1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia.

20. Không giải quyết đối với tài sản trên diện tích đất chia cho ông Đỗ Văn C1; bà Đặng Thị T1 có quyền yêu cầu ông Đỗ Văn C1 hoàn trả giá trị tài sản chung của vợ chồng giao anh Đỗ Văn M1 và tài sản trên đất, công sức trông nom, quản lý, tôn tạo di sản trong vụ án khác khi có tranh chấp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 03 và 05/10/2022, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Kim C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, bà Đào Thị P và anh Đỗ Văn M1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới.

- Bà C, bà T, bà X không nhất trí cho anh M1 được hưởng kỷ phần thừa kế của họ và cùng với anh M1 thỏa thuận: Phân di sản thừa kế của 04 người được hưởng đề nghị được nhận bằng hiện vật và đứng tên chung cả 04 người, sau này tự 04 người sẽ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chung là người sử dụng đất, nếu có tranh chấp sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết sau. Đề nghị tạo lối đi rộng thêm ngõ đi từ đường chính vào đất và giao cho cả 04 người.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Nhất trí với sự thống nhất nhận quyền sử dụng chung khối di sản được hưởng của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với phần diện tích đất đã bị trừ ngoài đồng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trừ vào đất ở, và tạo lối đi rộng thêm từ đường chính vào diện tích đất chia cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có quan điểm: Ông C1 là người sống cùng và chăm sóc các cụ đến khi chết lo ma chay, giỗ chạp

cho các cụ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức đóng góp cho ông C1, bà T1 vì trách nhiệm hiện nay dồn hết lên vai ông C1 là người con trai duy nhất của các cụ còn sống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của các đương sự có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng di sản thừa kế của cụ B, cụ C4, xác định hàng thừa kế đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc chia cho ông Đỗ Minh C2 suất thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K vào phần đất giao cho anh Đỗ Văn M1 là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C, bà X, bà T và anh M1 đã thỏa thuận, thống nhất nhận chung kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao chung quyền sử dụng đất cho bà C, bà X, bà T và anh M1; sửa phần giao diện tích 60m² đất thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K vào phần đất giao cho ông Đỗ Minh C2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về tố tụng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn, và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, bà Đào Thị P và anh Đỗ Văn M1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Xét thấy việc kháng cáo đều hợp lệ nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chính xác quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án, đủ người tham gia tố tụng, giải quyết đúng thẩm quyền, đúng thời hiệu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã triệu tập hợp lệ các đương sự. Tuy nhiên, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt họ.

[II] Về nội dung: Xét kháng cáo của các đương sự.

[1] Về thời điểm mở thừa kế, xác định diện và hàng thừa kế:

[1.1] Căn cứ cung cấp của Ủy ban nhân dân xã V và sự thừa nhận của các đương sự có căn cứ xác định: Cụ Đỗ Văn B chết ngày 12/10/2001; cụ Chu Thị C4 chết ngày 15/01/2015. Hai cụ không có con riêng, con nuôi, có 07 (bảy) con chung gồm: Liệt sỹ Đỗ Minh X1 hy sinh năm 1968 (có vợ là bà Đào Thị P, 02 con là anh Đỗ Văn M1 và anh Đỗ Minh G đang ở nước ngoài); bà Đỗ Thị X; liệt sỹ Đỗ Mạnh K hy sinh năm 1971, chưa có vợ con; bà Đỗ Thị Kim C; bà Đỗ Thị T; ông Đỗ Minh C2 và bà Đỗ Thị C3.

[1.2] Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Văn B gồm: Cụ Chu Thị C4, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2, bà Đỗ Thị C3 và liệt sỹ Đỗ Minh X1. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chu Thị C4 là bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2, bà Đỗ Thị C3 và liệt sỹ Đỗ Minh X1. Do liệt sỹ Đỗ Minh X1 chết

trước cụ B và cụ C4 nên phần di sản thừa kế mà liệt sỹ Đỗ Minh X1 được hưởng do 02 con trai là anh Đỗ Văn M1 và anh Đỗ Minh G được hưởng thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự. Liệt sỹ Đỗ Mạnh K hy sinh trước khi hai cụ chết, không có vợ, con nên không còn là đối tượng được hưởng thừa kế.

[1.3] Bị đơn ông Đỗ Minh C2 xác định cụ B và cụ C4 còn có một người con nuôi là ông Nguyễn Văn C6 (Nguyễn Xuân T4) nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã V và lời khai của bà Nguyễn Thị T5 và anh Nguyễn Quang T6 (vợ, con trai ông C6) thì khi nhận bố mẹ nuôi ông T4 đã trên hai mươi tuổi, việc nhận con nuôi không làm thủ tục theo quy định và điều xác định không liên quan đến di sản của cụ B và cụ C4. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông C6 không phải là con nuôi, không phải đối tượng được hưởng di sản thừa kế của hai cụ là đúng.

[2] Về di sản thừa kế: Khi còn sống hai cụ tạo lập được khối tài sản gồm:

[2.1] Đất ở theo bản đồ đo năm 2016 - 2019 gồm 03 thửa:

- Thửa số 453, tờ bản đồ số 22, diện tích 290,6m² ghi trong sổ mục kê tên Đỗ Văn C1;

- Thửa số 471, tờ bản đồ số 22, diện tích 180m² (là thửa 501 - Bản đồ 299) ghi trong sổ mục kê tên Đỗ Văn C1;

- Thửa số 469, tờ bản đồ 22, diện tích 429,3m² (là thửa 501 - Bản đồ 299) ghi trong sổ mục kê tên Đỗ Văn C1.

Trong các thửa đất thổ cư này có diện tích 120m² đất nông nghiệp đối trừ từ đất ngoài đồng là tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ. Tại các phiên tòa, các đương sự đều thống nhất: Giao tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ liệt sỹ Đỗ Mạnh K cho ông Đỗ Văn C1; giao tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 cho anh Đỗ Văn M1. Do đó, ông C1 và anh M1 mỗi người có quyền sử dụng 60m² đất ở thuộc tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ.

Ngoài ra còn có tiêu chuẩn 960m² đất nông nghiệp: 872m² ở xứ đồng Nền T và 88m² ở xứ đồng Độc đám mạ (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là 919,6m²).

Nguyên đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn cho rằng thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22 đo thực tế diện tích 177,6m² có nguồn gốc là thửa số 116, tờ bản đồ số 14, diện tích 144m² là đất cấp cho bà Đào Thị P (vợ liệt sỹ Đỗ Minh X1) nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ lời khai của người làm chứng là cụ Á, cụ T11 và bản đồ địa chính, sổ mục kê đã xác định thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22 để xác định thửa đất này là tài sản chung của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 là có căn cứ.

[2.2] Tài sản trên đất là di sản thừa kế gồm: Ngôi nhà 05 gian cấp 4, mái lợp ngói, sân lát gạch tại thửa 469; 02 cây thị tại thửa 453 và 471. Ngoài ra, khi gia đình ông C1 làm nhà cho cụ C4 ở tại thửa đất 471, chính quyền địa phương xác định đã hỗ trợ 15.000.000 đồng theo chính sách với bà mẹ Việt Nam anh hùng, hiện ông C1 đã tự ý dỡ bỏ ngôi nhà này để xây nhà cho con trai là anh Đỗ Đức H1. Nguyên đơn và những người liên quan đứng về phía nguyên đơn xác

định phần tài sản của cụ Chu Thị C4 khi ông C1 xây nhà tình nghĩa giá trị 100.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Khi ông C1 phá dỡ nhà tình nghĩa để xây nhà mới cho con trai là anh H1 không được các thừa kế của cụ C4 và chính quyền địa phương đồng ý. Do đó, cần xác định số tiền 15.000.000 đồng này là tài sản và di sản thừa kế của riêng của cụ C4, ông C1 là người quản lý.

[2.3] Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo vẽ kèm theo và kết quả định giá tài sản, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4, gồm: Thửa đất số 453 diện tích 220,2m² (sau khi trừ đi 60m² đất tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K) trị giá: 220,2m² x 13.000.000đ/m² = 2.862.600.000 đồng; thửa đất số 471, tờ bản số 22 trị giá: 177,6m² x 15.000.000đ/m² = 2.664.000.000 đồng và thửa đất số 469 diện tích 378,9m² (sau khi trừ đi 60m² đất tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1) trị giá: 378,9m² x 8.000.000đ/m² = 3.031.200.000 đồng. Tài sản trên đất là nhà cấp 4 lợp ngói trị giá 15.480.000 đồng; 72,8m² sân gạch trị giá 1.440.000 đồng; 02 cây thị trị giá 480.000 đồng; 919,6m² đất nông nghiệp trị giá 105.754.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của hai cụ là 8.680.954.000 đồng.

Còn khoản tiền 15.000.000 đồng được chính quyền địa phương hỗ trợ theo chính sách với mẹ Việt Nam anh hùng là di sản riêng của cụ C4.

[3] Xác định ý chí của cụ B về việc định đoạt tài sản khi còn sống: Văn bản “Giấy chuyển quyền sử dụng gia sản và đất ở” lập ngày 12/5/1998 do cụ B xác lập, ký tên có nội dung “...giao toàn bộ cả nhà và đất cho con thứ ba là Đỗ Minh C2 ... để tôi toại nguyện lúc tuổi già và khi về với tiên tổ”, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là di chúc của cụ B, thể hiện ý chí của cụ B trong việc định đoạt tài sản cho ông Đỗ Văn C1 (con trai út còn sống trong khi con trai cả và con trai thứ hai của hai cụ đã hy sinh) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 624, 625, 626, 627, 628 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên văn bản chỉ có chữ ký của cụ B, không có chữ ký thể hiện ý chí của cụ C4. Do đó, việc cụ B định đoạt toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho ông C1 là không đúng quy định tại Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ B trong khối tài sản chung của vợ chồng có giá trị 4.287.600.000 đồng, ông C1 sẽ được hưởng theo di chúc của cụ B. Di chúc của cụ B không định đoạt tài sản chung với cụ C4 là 919,6m² đất nông nghiệp trị giá 105.754.000 đồng. Theo điểm a khoản 2 Điều 650 Bộ luật Dân sự phần di sản không được định đoạt trong di chúc được chia thừa kế theo pháp luật.

[4] Về phân chia di sản thừa kế bằng giá trị.

[4.1] Ông Đỗ Văn C1 đã được hưởng toàn bộ di sản thuộc phần của cụ B có quyền định đoạt tương ứng với giá trị 4.287.600.000 đồng, ngoài ra đã được khai thác, sử dụng, hưởng lợi toàn bộ khối di sản thừa kế của hai cụ trong rất nhiều năm, hiện gia đình ông và con trai đang sử dụng 02 thửa đất có mặt tiền rộng, bóm mặt đường lớn và cụ C4 cũng mới chết năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông C1 về việc thanh toán công sức trông nom, bảo quản di sản thừa kế là phù hợp.

[4.2] Di sản của cụ C4 và phần di sản còn lại của cụ B chưa định đoạt (quyền sử dụng đất nông nghiệp) có tổng trị giá: 4.287.600.000 đồng + 15.000.000 đồng + 105.754.000 đồng = 4.408.354.000 đồng được chia theo pháp luật cho các thừa kế, gồm: Bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2, bà Đỗ Thị C3 và liệt sỹ Đỗ Minh X1 mỗi người được hưởng di sản trị giá 734.725.667 đồng.

- Tại cấp sơ thẩm, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T và anh Đỗ Minh G tặng cho anh Đỗ Văn M1 phần di sản được hưởng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận, nay tại Tòa án cấp phúc thẩm bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T thay đổi quan điểm không cho anh M1; cả 03 bà và anh M1 nhất trí đề nghị được cùng nhận chung kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm về nội dung này cho đúng ý chí của họ.

- Bà Đỗ Thị C3 có quan điểm tặng cho ông Đỗ Văn C1 phần di sản bà được hưởng. Do đó giá trị di sản thừa kế mà ông C1 được hưởng là: 734.725.000 đồng x 2 = 1.469.450.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế ông C1 được hưởng là: 4.287.600.000 đồng (theo di chúc của cụ B) + 1.469.451.000 đồng (được chia theo pháp luật) = 5.757.051.000 đồng.

- Bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 và anh Đỗ Minh G được hưởng giá trị di sản cụ C4, cụ B để lại là 734.725.000 đồng x 4 = 2.938.900.000 đồng.

[5] Về phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

[5.1] Xác định về đất thờ cúng: Tại mục 10 phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên: *“10. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 diện tích 60m² đất kê khai đăng ký thửa số 469, tờ bản đồ số 22 cho anh Đỗ Văn M1 và tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K diện tích 60m² đất kê khai đăng ký thửa số 469, tờ bản đồ số 22 cho ông Đỗ Văn C1”*. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các đương sự thống nhất thỏa thuận anh Đỗ Văn M1 được hưởng tiêu chuẩn đất thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1, ông Đỗ Văn C1 được hưởng tiêu chuẩn đất thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K. Do đó, ông C1 và anh M1 mỗi người có quyền sử dụng 60m² đất nông nghiệp thuộc tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm giao cả diện tích 60m² đất nông nghiệp thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K cho ông Đỗ Văn C1 vào thửa đất số 469, tờ bản đồ số 22 trong khi đã giao thửa đất này cho anh M1 là không hợp lý, ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng của ông C1 sau này. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao diện tích 60m² đất thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K cho ông Đỗ Văn C1 vào thửa đất số 453 mà ông C1 và gia đình đang sử dụng.

[5.2] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ, kích thước các thửa đất có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Ông C1 đã xây dựng nhà ở cao tầng, kiên cố và các công trình trên thửa đất số 453 và 471, vợ chồng ông bà và vợ chồng anh H1 (con trai) đã sử dụng ổn định; việc cắt đất thuộc 02 thửa này để chia thừa kế sẽ ảnh hưởng tới kết cấu kiến trúc các công trình, mất giá trị sử dụng, lãng phí và cũng không đủ điều kiện về diện tích, kích thước về chiều rộng, chiều dài để tách thửa theo quy định của UBND tỉnh H (Quyết định số 12/2023/QĐ-

UBND ngày 05/7/2023 của UBND tỉnh H về việc ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở; diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên).

[5.3] Về yêu cầu được chia di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất của bà X, bà C, bà T, anh M1: Xét thấy thửa đất số 469, tờ bản đồ số 22 diện tích đã được thẩm định, đo vẽ thực tế là 438,9m² (có 60m² đất nông nghiệp là tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 không tính vào giá trị di sản thừa kế) cùng tài sản của cụ B và cụ Chi trên đất gồm 01 nhà cấp 4 lợp ngói, 72,8m² sân gạch có tổng giá trị là 3.048.120.000 đồng. Liệt sỹ Đỗ Minh X1 là con trai cả của cụ B và cụ C4, anh Đỗ Văn M1 là con trai cả của liệt sỹ Đỗ Minh X1 và là cháu đích tôn của cụ B và cụ C4 có nguyện vọng xây nhà thờ trên thửa đất này để thờ cúng ông, cha là chính đáng, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống đạo đức của dân tộc. Mặt khác, trên thửa đất này còn có 60m² đất nông nghiệp là tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C, bà T, bà X và anh M1 thống nhất phần của ai người đó sẽ được hưởng và sẽ cùng đứng tên sử dụng chung với diện tích đất này; trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Minh G có quan điểm cho anh M1 phần thừa kế được hưởng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cho bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 được quyền sử dụng chung thửa đất số 469, tờ bản đồ số 22 này [bà C, bà X, bà T mỗi người có quyền sử dụng $(438,9\text{m}^2 - 60\text{m}^2) : 4 = 94,725\text{m}^2$; anh M1 có quyền sử dụng $60\text{m}^2 + 94,725\text{m}^2 = 154,725\text{m}^2$, như nguyện vọng và ý chí của họ trong việc định đoạt di sản được hưởng thừa kế. Đồng thời giao cho họ được cùng sở hữu tài sản của vợ chồng ông C1 trên đất gồm: 30 cây cau có giá trị là 5.600.000 đồng, 01 cây mít đường kính gốc 40cm giá trị là 750.000 đồng, 05 cây bưởi đường kính gốc 10cm giá trị là 6.900.000 đồng, 01 cây nhãn đường kính gốc là 25cm giá trị là 3.750.000 đồng (cộng bằng 17.000.000 đồng). Tổng giá trị tài sản được giao là 3.065.120.000 đồng.

[5.4] Chia cho ông C1 thửa đất số 453 diện tích 280,2m² (trong đó có 60m² đất tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K không tính vào giá trị di sản thừa kế) trị giá 2.862.600.000 đồng và thửa đất số 471 trị giá 2.664.000.000 đồng. Tài sản trên đất là 02 cây thị trị giá 480.000 đồng; ông C1 là người đang sinh sống tại địa phương, có điều kiện canh tác nên sẽ chia cho ông C1 919,6m² đất nông nghiệp là di sản thừa kế hiện đang được chia chung cùng tiêu chuẩn ruộng của gia đình ông có giá trị 105.754.000 đồng. Ngoài ra ông C1 còn phải chịu trách nhiệm với số tiền 15.000.000 đồng chính quyền địa phương hỗ trợ khi xây nhà tình nghĩa cho cụ C4, được xác định là di sản thừa kế của cụ C4. Do đó, tổng giá trị tài sản ông C1 thực được nhận là 5.647.834.000 đồng. Còn thiếu so với giá trị di sản thừa kế được quyền nhận là 109.220.000 đồng (làm tròn số).

[6] Người được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Trên cơ sở giá trị di sản thừa kế, tài sản được phân chia, người nào được nhận được giá trị nhiều hơn phần mình được hưởng sẽ có nghĩa vụ thanh

toán cho người được nhận được giá trị ít hơn so với giá trị mà người đó được hưởng. Cụ thể: Bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 và anh Đỗ Minh G được giao tổng tài sản là di sản thừa kế có giá trị là 3.048.120.000 đồng. Giá trị 04 kỷ phần thừa kế bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 được hưởng là 2.938.900.000 đồng. Vì vậy, cả 05 người cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đỗ Minh C2 giá trị chênh lệch di sản thừa kế là 3.048.120.000 đồng - 2.938.900.000 đồng = 109.220.000 đồng và cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đỗ Minh C2 và bà Đặng Thị T1 giá trị cây cối của ông C2 bà T1 trên phần đất được chia là 17.000.000 đồng. Tổng cộng 126.220.000 đồng. Mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông C2 là: $126.220.000 \text{ đồng} : 5 = 25.244.000 \text{ đồng}$.

[8] Đối với diện tích 66m² ngõ đi từ ngoài đường vào thửa đất thửa đất số 469, tờ bản đồ số 22 hiện không được gia đình kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính quyền địa phương cũng xác nhận điều này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định là di sản thừa kế, chỉ xác định ngõ đi chung là phù hợp với thực tế. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã V đã xác nhận diện tích ngõ đi này trước kia thuộc quyền sử dụng của gia đình cụ B và cụ C4, hiện không tranh chấp với các gia đình xung quanh, nếu gia đình có nguyện vọng thì địa phương sẽ xem xét. Hiện tại gia đình ông C2 và anh H1 đều có cổng đi ra đường lớn, còn ngõ đi này là lối đi duy nhất dẫn vào phần đất được chia cho bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 nên sẽ tạm giao cho bà C, bà X, bà T và anh M1 quản lý, sử dụng. Sau khi xét xử phúc thẩm, trên cơ sở nguyện vọng, đề xuất, nhu cầu sử dụng thực tế của các đồng thừa kế của cụ B và cụ C4, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm yêu cầu. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc xác định 66m² diện tích ngõ đi nêu trên là di sản thừa kế không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Về án phí: Căn cứ quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, xét thấy: Anh Đỗ Văn M1, anh Đỗ Minh G là con liệt sỹ; bà Đỗ Thị Kim C, Đỗ Thị X, Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2, bà Đào Thị P đều là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí dân sự (sơ thẩm, phúc thẩm) theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị C3 không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị di sản thừa kế bà C3 được nhận: $20.000.000 + 4\% \times 334.725.000 = 33.389.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên như sau:

Căn cứ Điều 630, Điều 635, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652; Điều 659, khoản 2 Điều 660, và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 29, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 92, khoản 1 và 5 Điều 147, Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim C về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4.

2. Xác nhận cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 có 07 con chung gồm: Liệt sỹ Đỗ Minh X1 hy sinh năm 1968, có vợ là bà Đào Thị P và hai con là anh Đỗ Văn M1, anh Đỗ Minh G; bà Đỗ Thị X; liệt sỹ Đỗ Mạnh K hy sinh năm 1971, chưa có vợ con; bà Đỗ Thị Kim C; bà Đỗ Thị T; ông Đỗ Văn C1 (còn có tên gọi khác là Đỗ Minh C2) và bà Đỗ Thị C3.

3. Xác định văn bản do cụ B lập ngày 12 tháng 5 năm 1998 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V ngày 15 tháng 5 năm 1998 là di chúc của cụ Đỗ Văn B, có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ B được định đoạt trong di chúc. Xác định cụ Đỗ Văn B chết ngày 12 tháng 10 năm 2001 có di chúc; cụ Chu Thị C4 chết ngày 15 tháng 01 năm 2015 không có di chúc. Xác định di sản của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 là 919,6m² đất nông nghiệp đo thực tế có giá trị 105.754.000 đồng không được cụ B định đoạt trong di chúc.

4. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 gồm 06 người, gồm: Liệt sỹ Đỗ Minh X1, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2 (còn có tên gọi khác là Đỗ Minh C2) và bà Đỗ Thị C3. Anh Đỗ Văn M1 và anh Đỗ Minh G là con được hưởng thừa kế thế vị của liệt sỹ Đỗ Minh X1.

5. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao tiêu chuẩn 60m² đất thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1 cho anh Đỗ Văn M1 vào thửa đất số 469; giao tiêu chuẩn 60m² đất thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K cho ông Đỗ Văn C1 vào thửa đất số 453, cùng thuộc tờ bản đồ số 22, có địa chỉ tại thôn C (thôn K trước đây), xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

6. Xác định di sản của cụ B và cụ C4 là quyền sử dụng các thửa đất: Số 453, tờ bản đồ số 22 đo thực tế diện tích 220,2m² trị giá 2.862.600.000 đồng; thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22 đo thực tế diện tích 177,6m² trị giá 2.664.000.000 đồng và thửa đất số 469, tờ bản đồ số 22 đo thực tế diện tích 378,9m² trị giá 3.031.200.000 đồng. Tài sản trên đất là nhà cấp 4 lợp ngói đã đổ nát trị giá 15.480.000 đồng, 72,8m² sân gạch trị giá 1.440.000 đồng, 02 cây thị trị giá 480.000 đồng, 919,6m² đất nông nghiệp trị giá 105.754.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của hai cụ là 8.680.954.000 đồng. Khoản tiền 15.000.000 đồng được chính quyền địa phương hỗ trợ khi xây nhà theo tiêu chuẩn bà mẹ Việt Nam anh hùng là di sản riêng của cụ C4.

7. Ông Đỗ Minh C2 được hưởng toàn bộ di sản của cụ B được quyền định đoạt tương ứng với $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản chung với cụ C4, không bao gồm quyền sử dụng đất nông nghiệp, có giá trị là 4.287.600.000 đồng.

8. Công nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị C3 tặng cho ông Đỗ Minh C2 kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng.

9. Công nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Minh G tặng cho anh Đỗ Văn M1 kỷ phần thừa kế mà anh được hưởng.

10. Công nhận sự thỏa thuận của bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Minh G về việc cùng nhận chung di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và đứng tên chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này.

11. Chia di sản của cụ C4 và phần di sản còn lại của cụ B có tổng trị giá: $4.287.600.000 \text{ đồng} + 15.000.000 \text{ đồng} + 105.754.000 \text{ đồng} = 4.408.354.000 \text{ đồng}$ theo pháp luật cho các thừa kế, gồm 06 người: Bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Minh C2, bà Đỗ Thị C3 và liệt sỹ Đỗ Minh X1 mỗi người được hưởng di sản trị giá 734.725.000 đồng. Anh Đỗ Minh G và anh Đỗ Văn M1 được hưởng thừa kế thế vị phần di sản thừa kế mà liệt sỹ Đỗ Minh X1 được hưởng.

- Ông Đỗ Văn C1 được hưởng giá trị di sản thừa kế là: $4.287.600.000 \text{ đồng}$ (theo di chúc của cụ B) + $1.469.451.000 \text{ đồng}$ (được chia theo pháp luật gồm 02 kỷ phần của ông và của bà C) = $5.757.051.000 \text{ đồng}$.

- Bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 và anh Đỗ Minh G được hưởng giá trị di sản cụ C4, cụ B để lại là $734.725.000 \text{ đồng} \times 4 = 2.938.900.000 \text{ đồng}$.

12. Chia di sản bằng hiện vật:

- Giao cho bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn M1 được quyền đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng chung thửa đất số 469, tờ bản đồ số 22, diện tích $438,9\text{m}^2$ (bà C, bà X, bà T mỗi người có quyền sử dụng $94,725\text{m}^2$; anh M1 có quyền sử dụng $154,725\text{m}^2$, trong đó có 60m^2 tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Minh X1), địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; vị trí giáp đất ông Q1 và ông T8 kích thước $(13,78+11,98)\text{m}$, giáp đất ông C1 kích thước $(7,31+2,21+6,15+0,14)\text{m}$, giáp ngõ đi và đất ông H3 kích thước $(12,68+2,00+10,49)\text{m}$, giáp đất ông T9 kích thước $19,34\text{m}$ cùng tài sản trên đất: 01 nhà cấp 4 lợp ngói, $72,8\text{m}^2$ sân gạch, 30 cây cau, 01 cây mít, 05 cây bưởi, 01 cây nhãn. Tổng giá trị $3.065.120.000 \text{ đồng}$.

- Ông Đỗ Văn C1 được quyền sử dụng thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22, diện tích $177,6\text{m}^2$ vị trí phía Đông giáp đường đi kích thước $(8,33+2,60+0,39+2,57+2,75)\text{m}$, phía Nam giáp đường đi kích thước $(0,52+9,73)\text{m}$, phía Tây giáp đất ông H4 kích thước $16,40\text{m}$, phía Bắc giáp ngõ kích thước $11,57\text{m}$ và quyền sử dụng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 22, diện tích $280,2\text{m}^2$ vị trí giáp ông T10 kích thước $17,55\text{m}$, giáp đường đi kích thước $(5,96+1,87+3,74+3,33+0,87)\text{m}$, giáp ngõ đi kích thước $18,27\text{m}$, giáp thửa đất giao chung cho bà C, bà X, bà T và anh M1 (thửa đất số 469) kích thước $(0,14+6,15+2,21+7,31)\text{m}$; địa chỉ 02 thửa đất tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; 02 cây thị và $919,6\text{m}^2$ đất nông nghiệp; tổng giá trị $5.632.834.000 \text{ đồng}$. Trong thửa đất số 453 có diện tích 60m^2 đất tiêu chuẩn thờ cúng liệt sỹ Đỗ Mạnh K giao cho ông Đỗ Văn C1.

- Tạm giao phần ngõ đi có diện tích 66m^2 cho bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 quản lý, sử dụng. Khi bản án có hiệu lực

pháp luật, trên cơ sở nguyện vọng, đề xuất, nhu cầu sử dụng của các đồng thừa kế của cụ B và cụ C4, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm yêu cầu.

(Vị trí, kích thước và ranh giới đất, ngõ đi giao và tạm giao cho các đương sự được xác định theo sơ đồ kèm theo Bản án)

13. Bà Đỗ Thị Kim C, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn M1 và anh Đỗ Minh G có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Minh C2 giá trị chênh lệch di sản thừa kế là 109.220.000 đồng và cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Minh C2 và bà Đặng Thị T1 giá trị cây cối của ông C2 bà T1 trên phần đất được chia là 17.000.000 đồng, tổng cộng là 126.220.000 đồng. Mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông C2 số tiền 25.244.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành cho người được thi hành án thì còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

14. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn C1 xác định cụ Đỗ Văn B và cụ Chu Thị C4 có con nuôi là ông Nguyễn Văn C6 (Nguyễn Xuân T4).

15. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim C xác định di sản của cụ Chu Thị C4 là phần tài sản trong ngôi nhà ông Đỗ Văn C1 xây năm 2000 có giá trị 100.000.000 đồng.

16. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim C và bà Đào Thị P xác định thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22; địa chỉ thửa đất: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên đo thực tế diện tích 177,6m² có nguồn gốc là thửa số 116, tờ bản đồ số 14, diện tích 144m² là đất cấp cho bà Đào Thị P.

17. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn C1 về việc cụ B đã định đoạt cho ông quyền sử dụng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 22; địa chỉ thửa đất: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên và tài sản trên đất là 01 cây thị.

18. Không chấp nhận yêu cầu đòi công sức trông nom, quản lý di sản của ông Đỗ Văn C1 và bà Đặng Thị T1.

19. Về án phí:

19.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị C3 phải chịu 33.389.000 đồng.

19.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H5 lại cho bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Kim C, anh Đỗ Văn M1 và bà Đào Thị P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu tiền số 0000153, 0000154, 0000155, 0000151, 0000152 cùng ngày 20/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VT, phòng HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh